TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI Bản án số: 126/2019/HSST Ngày 29 - 11 - 2019	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Lâm, ông Trịnh Ngọc Thành.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Xuyên là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 148/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Phạm Thanh L, sinh 1984; nơi sinh tại tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú tại ấp 4, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; con ông Phạm Thanh T, sinh năm 1951 và con bà Bùi Thị C (đã chết); vợ, con, tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 101/2015/HSST ngày 24/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai kết án 01 năm tù, về tội "lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; nhân thân: Tại quyết định số 2372/QĐ ngày 23/02/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và tại quyết định số 2014 ngày 21/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc (nay được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính); bị tạm giam từ ngày 25/8/2019.

2. Hoàng Mạnh H, sinh năm 1996; nơi sinh tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú tại ấp 3, xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; con ông Hoàng Văn P (đã chết) và con bà Hoàng Thị S, sinh năm 1966; vợ, con, tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 25/9/2019.

- Bị hại: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1961 và Võ Thành N, sinh năm 2001; cùng nơi cư trú tại ấp 3, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1966; nơi cư trú tại ấp 3, xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 19…; nơi cư trú tại ấp 5, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo, bị hại N, bà S có mặt tại phiên tòa; người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 11 tháng 8 năm 2019, bị cáo Hoàng Mạnh H điều khiển xe mô tô biển số 60B3-30300 chở bị cáo Phạm Thanh L đến quán cà phê của bị hại Đặng Thị C thuộc xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai để chơi. Bị cáo L thấy bà C sử dụng điện thoại Samsung J7 Pro nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo L nói với bị cáo H cùng nhau chiếm đoạt điện thoại của bà C để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì bị cáo H đồng ý. Bị cáo L bàn với bị cáo H là bị cáo L đến mượn điện thoại của bà C thì bị cáo H điều khiển xe mô tô đến chở bị cáo L để tẩu thoát. Sau đó, bị cáo L tiến lại gần nơi bà C nằm võng rồi nói với bà C mượn điện thoại để gọi bạn mang tiền ra thì bà C đồng ý, bị cáo L đọc số điện thoại để bà C bấm số, khi điện thoại có chuông thì bị cáo L nói "má đưa điện thoại cho con nghe". Bị cáo L cầm được điện thoại giả đưa lên tai nói chuyện rồi bước ra khỏi chòi, cùng lúc bị cáo H điều khiển xe mô tô tới chở H bỏ chạy. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại thì các bị cáo L và H điều khiển xe mô tô đến thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng gặp người không quen biết bán điện thoại 700.000 đồng, số tiền này L và H đã mua ma túy sử dụng;

Kết luận định giá tài sản số 51/KL.HĐĐGTS ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú đã xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro, màn hình cảm ứng, màu trắng, góc phải màn hình bị nứt mặt kính một đường xéo, sử dụng bình thường, đã qua sử dụng có giá trị 2.150.000 đồng;

Đối với bị cáo L còn có thêm hành vi trộm cắp tài sản là vào khoảng 07 giờ ngày 04/6/2019, bị cáo đến quán nước của Võ Thị Kim T thuộc ấp 5, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo thấy 01 chiếc xe mô tô biển số 60B3-51775 của bị hại Võ Thành N cắm sẵn chìa khóa không có người trông coi bị cáo mở khóa nổ máy xe mang đến khu vực Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bán xe 4.000.000 đồng với một người nam (đàn ông) không quen biết, lấy tiền sử dụng hết.

Kết luận định giá tài sản số 52/KLHĐĐGTS ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú đã xác định: 01 xe mô tô biển số 60B3-51775, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ đen, số máy E3X9E266799, số khung 3210HY111995, đã qua sử dụng, có giá trị 15.000.000 đồng;

- Về vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô biển số 60B3-51775 bị cáo L bán tại Thành phố Hồ Chí Minh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro các bị cáo L và H bán tại thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng không thu hồi được. Đối với xe mô tô biển số 60B3-30300 là tài sản của bà Hoàng Thị Tô N (chị của bị cáo H), N không biết bị cáo Hùng sử dụng xe thực hiện tội phạm nên Công an đã trao trả xe cho N.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại N yêu cầu bị cáo L bồi thường giá trị xe mô tô là 15.000.000 đồng; bị hại C đã nhận 2.100.000 đồng do bà S bồi thường thiệt hại, bà

C không có yêu cầu gì khác.

* Cáo trạng số 133/CT-VKS-HS ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú quyết định truy tố: Bị cáo L về tội "trộm cắp tài sản" và tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo H về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội như sau:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, các bị cáo có hành vi gian dối đối với bị hại, chiếm đoạt tài sản để có tiền mua ma túy sử dụng. L còn có thêm hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị hại N. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly các bị cáo một thời gian để giáo dục. Tuy nhiên, các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bà S là mẹ bị cáo H đã bồi thường thiệt hại đối với bị hại C nên bà C đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm.

Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 173 , khoản 1 Điều 174 và các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tuyên bố: Bị cáo L phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản"; bị cáo H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo L 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; xử phạt bị cáo H từ 06 đến 08 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận ý kiến của bị cáo L đồng ý bồi thường thiệt hại 15.000.000 đồng đối với bị hại N

* Các bị cáo trình bày ý kiến: Nội dung Cáo trạng là đúng sự thật; các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

* Bị hại N trình bày ý kiến: Yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thiệt hại là 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động tiến hành tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tân Phú và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đến nay, người tham gia tố tụng trong vụ án không có khiếu nại. Hoạt động tiến hành tố tụng của Công an huyện Tân Phú và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại C và người làm chứng vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, có thể công bố lời khai của họ để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này là phù hợp với quy định tại các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

Ý kiến trình bày của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với ý kiến trình bày của các bị hại, người làm

chứng, kết luận giám định. Đây là các chứng cứ chứng minh hành vi của các bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 và tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú quyết định truy tố các bị cáo về các tội danh này là đúng quy định của pháp luật.

Xét về vai trò tham gia thực hiện tội phạm của các bị cáo:

Các bị cáo đến nhà bị hại C mới có ý định phạm tội nên hành vi phạm tội của các bị cáo không coi là có tính tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo dùng thủ đoạn gian dối thực hiện tội phạm chiếm đoạt điện thoại của bị hại C. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo L là người chủ mưu phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đối với cáo L còn có thêm hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị hại Võ Thành N nên bị cáo phải chịu hình phạt chung đối với các tội đã vi phạm theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo H và bà S tự nguyện bồi thường thiệt hại với bà C nên bị hại C đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo L phạm tội lần này là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ các chứng cứ nêu trên, chứng minh hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự cố ý thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ra nhiều thiệt hại cho các bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, để góp phần bảo vệ tình hình an ninh trật tự tại địa phương cần phải xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo,

Khi nghị án, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất ý kiến là phải áp dụng hình phạt tù tương xứng đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm giáo dục các bị cáo về ý thức chấp hành pháp luật, trở thành công dân có ích cho xã hội. Đồng thời để giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật.

[3] Về vật chứng vụ án, trách nhiệm dân sự:

Đến nay không thu giữ được các vật chứng trong vụ án là tài sản của các bị hại nhưng các bị cáo và các bị hại tự nguyện thỏa thuận tính tài sản thành tiền để bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến bị cáo L đồng ý bồi thường thiệt hại 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) đối với bị hại Võ Thành N là phù hợp Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Đối với xe mô tô biển số 60B3-30300 là tài sản của bà Hoàng Thị Tô N, bà N không có hành vi vi phạm pháp luật trong vụ án, tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà N nên Công an đã trả xe đối với bà N là phù hợp khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Các bị cáo là người bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo L phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp chứng cứ vụ án, quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174, khoản 2 Điều 47, Điều 48, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lâm;

Căn cứ các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Hùng.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thanh L phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Hoàng Mạnh H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt:

Phạm Thanh L 10 (mười) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 (một) năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù, về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 8 năm 2019.

Hoàng Mạnh H 06 (sáu) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 9 năm 2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo L đồng ý có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) đối với bị hại Võ Thành N

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu các các bên không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo L phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Các bị cáo, bị hại N, đương sự S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng (*có quyền nhận bản án*);
- Công an huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh ĐN (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo
{để thay thông báo kết quả xét xử};
- Thi hành án hình sự (cơ quan);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

Võ Kim Đính